TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 417/2026/DS-PT
Ngày 16 – 6 – 2026
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn A Đam.

2. Bà Đinh Cẩm Đào.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 723/2025/TLPT-DS ngày 18/12/2025 về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 289/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 88/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị V**, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà V:* Ông **Hồ Vũ P**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Nhà không số, đường N, Khóm D, Phường A, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Thạch Q**, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Ngân hàng N4**. Trụ sở: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Phạm Toàn V1** – Tổng Giám đốc. *Người đại diện theo uỷ quyền*: Ông **Lê Xuân H** – Giám đốc Chi nhánh T3; địa chỉ liên hệ: Khóm I, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.2. Bà **Thạch Thị R**, sinh năm 1947.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà R: Bà **Nguyễn Mỹ L**, sinh năm 1972;

địa chỉ: ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (văn bản uỷ quyền ngày 25/4/2023) (có mặt).

3.3. Bà **Thạch Thị P1**, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.4. Bà **Thạch Thị Q1,** sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.5. Bà **Thạch Thị O**, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.6. Bà **Lý Thị C**, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.7. Ông **Thạch D** (Thạch P2), sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.8. Bà **Thạch Thị P3**, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.9. Bà **Thạch Thị P4**, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.10. Ông **Thạch P5,** sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau.

3.11. Ông **Thạch T,** sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.12. Ông **Thạch Đ,** sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.13. Bà **Thạch Thị N,** sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.14. Bà **Đào Thị S**, sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố Cần Thơ. *Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đào Thị S:* Ông **Thạch Ngọc H1**, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố Cần Thơ (Văn bản uỷ quyền ngày 25 tháng 4 năm 2023) (có mặt).

3.15. Ông **Thạch Ngọc H1**, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3.16. Ông **Thạch Minh H2**, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3.17. Ông **Thạch P6**, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3.18. Ông **Thạch Hoàng A**, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3.19. Ông **Thạch Ri M**, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3.20. Bà **Thạch Thị N1**, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3.21. Ông **Thạch Ri M1**, sinh năm 2002; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3.22. Ông **Thạch Minh R1**, sinh năm 2003; địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố

Cần Thơ (vắng mặt).

3.23. Ông **Kim C1**, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.24. Ông **Kim P7**, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.25. Bà **Thạch Thị Kiều M2**, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.26. Bà **Tăng Thị T1**, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.27. Ông **Thạch N2**, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.28. Ông **Trần Văn M3**, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3.29. Ông **Trần Văn D1**, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Thạch Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Thạch Thị V trình bày: Cha mẹ bà là cụ Thạch C2 (chết năm 2003) và cụ Kim Thị N3 (chết năm 2010), có 8 người con chung, gồm: Ông Thạch P8 (chết năm 2017, có vợ Đào Thị S và các con chung: Thạch Ngọc H1, Thạch Minh H2, T, Thạch Hoàng A, Thạch Ri M, Thạch Thị N1, Thạch Ri M1, Thạch Minh R1), bà Thạch Thị R, bà Thạch Thị P1, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Q1, bà Thạch Thị O, ông Thạch P1 (chết năm 2018, có vợ bà Lý Thị C và các con chung: Thạch Diệu, Thạch Thị P3, Thạch Thị P4, T, Thạch T, T, Thạch Thị N) và Thạch Q. Cụ C2 và cụ N3 có diện tích đất tại thửa số 013, 014, 0103, 0017, tờ bản đồ số 06, diện tích 45.070m^2 toạ lạc ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 742231 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ Thạch C2 ngày 25 tháng 3 năm 1996, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 13575/QSDĐ, theo quyết định số 167/QĐ-UB ngày 21 tháng 3 năm 1996. Khi còn sống, cha mẹ có cho ông Thạch P1 và bà Thạch Thị Q1 phần đất riêng không nằm trong phần đất cấp giấy chứng nhận nêu trên. Cụ C2 và cụ N3 chết không để lại di chúc. Toàn bộ phần diện tích trên, hiện nay bị đơn Thạch Q đang quản lý, sử dụng. Đối với phần đất ở và đất CLN hiện nay có 6 ngôi nhà trên đất từ hướng Đông sang T bắt đầu các ngôi nhà bà Thạch Thị Q1, Thạch Thị P1, Thạch Q, Thạch Thị O, Thạch Thị V, Thạch P1; tuy nhiên do trong quá trình đo vẽ các đương sự bà Q1, ông Q, bà O, vợ con ông Thạch P1 không đồng ý đo vẽ phần nhà nên trên bản vẽ hiện trạng chỉ thể hiện được ngôi nhà của bà V và bà Thạch Thị P1. Bà xác định thống nhất với kết quả đo vẽ, định giá, thống nhất với diện tích phần đất yêu cầu phân chia thừa kế theo đo vẽ thực tế có diện tích là 36.614,9m^2. Bà yêu cầu phân chia thừa kế đối với phần đất nêu trên theo pháp luật, yêu cầu phân chia cho bà phần đất diện tích 164m^2 có vị ngôi nhà bà đang sinh sống, cùng với thửa đất cây lâu năm và thửa đất ruộng trên bản vẽ hiện

trạng ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4. Đối với yêu cầu phân chia di sản của bà Thạch Thị R và bà Đào Thị S (vợ ông Thạch P1 chết), bà yêu cầu được nhận kỷ phần của hai người này và bà trả lại giá trị quyền sử dụng đất theo định giá cho bà R và bà S.

Theo bị đơn ông Thạch Q trình bày: Cha ông là cụ Thạch C2 và mẹ cụ Kim Thị N3 đã chết và có để phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ C2 đứng tên giấy chứng nhận. Cụ C2 và cụ N3 chết không để lại di chúc. Khi còn sống, đã cho các anh em của ông canh tác mỗi người một phần trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, phần cụ C2 còn lại là 6 công tầm lớn, trên đất có 6 ngôi nhà gia đình, gồm: Thạch Quạl, Thạch Thị O, Thạch Thị V, Thạch Thị P1, Thạch Thị Q1 và Thạch P1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp Ngân hàng N4 - Chi nhánh T3 để vay tiền. Ông xác định đồng ý phân chia thừa kế đối với phần đất 06 công tầm lớn còn lại của cụ C2.

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Đào Thị S trình bày: Cụ Thạch C2 (chết năm 2003) và cụ Kim Thị N3 (chết năm 2010) có 8 người con chung, gồm: Chồng bà là ông Thạch P8, bà Thạch Thị R, bà Thạch Thị P1, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Q1, bà Thạch Thị O, ông Thạch Q và ông Thạch P1. Cụ C2 và cụ N3 lúc còn sống có phần đất thửa số 013, 014, 0103, 0017, tờ bản đồ số 06, diện tích 45.070m^2 (theo đo vẽ thực tế có diện tích là 36.614,9m2) toạ lạc ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 742231 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ Thạch C2. Trước đây, phần đất của cụ C2 chia cho các con trực tiếp canh tác, gồm: Bà R, bà P1, bà V, ông Q, bà Q1 và bà O. Tuy nhiên, hiện tại ông Q đang quản lý sử dụng và không đồng ý cho các anh em khác sử dụng.

Bà và ông P8 có 8 người con, gồm: Thạch Ngọc H1, Thạch Minh H2, T, Thạch Hoàng A, Thạch Ri M, Thạch Thị N1, Thạch Ri M1, Thạch Minh R1. Các con của bà thống nhất phần di sản của ông P8 được nhận sẽ để lại cho bà. Do đó, bà S yêu cầu phân chia toàn bộ di sản của cụ C2, cụ N3 theo quy định pháp luật, bà giao kỷ phần của bà cho bà V quản lý, sử dụng và bà V trả lại bà phần giá trị theo định giá. Thống nhất với kết quả đo vẽ, định giá đã thực hiện.

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Thạch Thị R trình bày: Thống nhất họ tên và thời điểm cụ C2, cụ N3 chết, cũng như hàng thừa kế và di sản của cụ C2, cụ N3 để lại như bà S trình bày. Bà yêu cầu phân chia thừa kế đối với phần đất nêu trên theo pháp luật đối với toàn bộ diện tích thể hiện trên bản vẽ hiện trạng ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4. Bà R yêu cầu giao kỷ phần của bà cho bà V quản lý, sử dụng và bà V có trách nhiệm giao trả lại bà phần giá trị theo định giá. Thống nhất với kết quả đo vẽ, định giá đã thực hiện.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Thạch Thị P1 trình bày: Thống nhất họ tên và thời điểm cụ C2, cụ N3 chết, cũng như hàng thừa kế và di sản của cụ C2, cụ N3 để lại như bà S trình bày. Bà yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ phần diện tích đất của cụ C2 và cụ N3 để lại. Trên đất có ngôi nhà của bà và bà V được thể hiện trên bản vẽ và các ngôi nhà còn lại của các anh chị em của bà.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Q1 trình bày: Bà là con của cụ C2, cụ N3, hiện đã chết. Khi còn sống, cha mẹ có cho riêng bà và ông Thạch P1 mỗi người một phần đất không nằm trong phần tranh chấp giữa bà V và ông Q. Phần đất của cụ C2 đứng tên lúc cha mẹ còn sống có cho các con sử dụng riêng, gồm: Bà O 3 công, ông Q 05 công, bà Thạch Thị P1 1,5 công, còn lại cụ C2, cụ N3 canh tác và một phần đất làm bờ con cháu sử dụng chung. Hiện bà không có yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ C2, cụ N3, yêu cầu xét xử vắng mặt bà.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị C trình bày: Bà là vợ của ông Thạch P1 (đã chết). Bà C và ông P1 có 07 người con chung, gồm: Thạch Diệu (T), Thạch Thị P3, Thạch Thị P4, T, Thạch T, T, Thạch Thị N. Bà không có yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ C2, cụ N3.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 289/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Xác định diện tích 1.299,4m^2 đất lúa và 691,9m^2 đất trồng cây lâu năm chạy dọc theo chiều dài hướng Đông là lối đi chung, không phân chia.

2. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 34.458,3m^2 thuộc các thửa 48, 76 tờ bản đồ số 7 là di sản của cụ Thạch C2, cụ Kim Thị N3 chia thừa kế theo pháp luật như sau:

2.1. Chia giao cho bà Thạch Thị Q1 diện tích 181,5m^2 thuộc một phần thửa 76, tờ số 7 (tương ứng thửa 1 trên bản vẽ); diện tích 1.038,6m^2 thuộc một phần thửa 76, tờ 7 (tương ứng thửa 8 trên bản vẽ); diện tích 3.077,6m^2 thuộc một phần thửa 48, tờ 7 (tương ứng thửa 15 trên bản vẽ).

2.2. Chia giao cho bà Thạch Thị P1 diện tích 164m^2 thuộc một phần thửa 76, tờ 7 (tương ứng thửa 2 trên bản vẽ); diện tích 1.056,1m^2 thuộc một phần thửa 76, tờ 7 (tương ứng thửa 7 trên bản vẽ); diện tích 3.077,6m^2 thuộc một phần thửa 48, tờ 7 (tương ứng thửa 16 trên bản vẽ).

2.3. Chia giao cho ông Thạch Q và bà Thạch Thị O đồng sở hữu diện tích 248,3m^2 thuộc một phần thửa 76, tờ 7 (tương ứng thửa 3 trên bản vẽ).

2.4. Chia giao cho bà Thạch Thị O diện tích 1.096m^2 thuộc một phần thửa 76, tờ 7 (tương ứng thửa 9 trên bản vẽ); diện tích 3.077,6m^2 thuộc một phần thửa 48 tờ 7 (tương ứng thửa 14 trên bản vẽ).

2.5. Chia giao cho ông Thạch Q được quyền sử dụng diện tích 1.096m^2 (tương ứng thửa 10 trên bản vẽ); diện tích 3.077,6m^2 thuộc một phần thửa 48, tờ 7 (tương ứng thửa 13 trên bản vẽ).

2.6. Chia giao cho bà Thạch Thị V được quyền sử dụng diện tích 164m^2 thuộc một phần thửa 76, tờ 7 (tương ứng thửa 4 trên bản vẽ); diện tích 3.572,9m^2 thuộc một phần thửa 76, tờ 7 (tương ứng thửa 6 trên bản vẽ); diện tích 9.232,8m^2 thuộc thửa 48, tờ 7 (tương ứng thửa 17 trên bản vẽ).

2.7. Chia giao cho bà Lý Thị C, ông Thạch D, bà Thạch Thị P3, bà Thạch Thị P4, ông Thạch P5, ông Thạch T, ông Thạch Đ, bà Thạch Thị N: Diện tích 205,3m^2 thuộc một phần thửa 76, tờ 7 (tương ứng thửa 5 trên bản vẽ); diện tích 1.014,8m^2

thuộc một phần thửa 76, tờ 7 (tương ứng thửa 11 trên bản vẽ); diện tích 3.077,6m^2, thuộc một phần thửa 48, tờ 7 (tương ứng thửa 12 trên bản vẽ).

2.8. Buộc Thạch Thị V thanh toán cho Đào Thị S 260.841.000 đồng, trả cho Thạch Thị R 260.841.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền thoả thuận thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 29/10/2025, bị đơn ông Thạch Q kháng cáo yêu cầu được quyền sử dụng diện tích 12.960m^2 do đã được cha mẹ cho, không chia thừa kế; diện tích 7.776m^2, cha mẹ đang thế chấp Ngân hàng, ông là người trả lãi, nên ông yêu cầu được quyền sử dụng và ông sẽ tự trả nợ cho ngân hàng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị O kháng cáo yêu cầu được quyền sử dụng diện tích 5.184m^2, do đã được cha mẹ cho, không chia thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Thạch Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị O vắng mặt không có lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ lần 2.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Thạch Q; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Thạch Thị O; Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 289/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Cà Mau. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Thạch Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị O hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 278, Điều 280 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Người kháng cáo bà Thạch Thị O được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà O, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu phân chia thừa kế đối với phần đất 36.614,9m^2 theo pháp

luật, cụ thể: Yêu cầu phân chia cho bà V phần đất diện tích 164m^2 có vị trí ngôi nhà bà đang sinh sống, cùng với thửa đất cây lâu năm và thửa đất ruộng trên bản vẽ hiện trạng ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4. Đối với yêu cầu phân chia di sản của bà Thạch Thị R và bà Đào Thị S (vợ ông Thạch P1 chết), yêu cầu được nhận kỷ phần của hai người này và bà trả lại giá trị quyền sử dụng đất theo định giá cho bà R và bà S.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Thạch Q:

[3.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Thạch C2 và cụ Kim Thị N3 (cha, mẹ của các đương sự) và cụ Thạch C2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Về quá trình thay đổi số thửa đất qua các thời kỳ: Tại Bản vẽ hiện trạng (bổ sung lần 1) của Công ty TNHH MTV T4 thể hiện: Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 48 và 76 tờ bản đồ 14 (bản đồ chỉnh lý năm 2022). Tại Công Văn số 211/2026/CV-CTDP ngày 15/6/2026 của Công ty TNHH MTV T4 cung cấp: Thửa 48 và 76 tờ bản đồ 14 (bản đồ chỉnh lý năm 2022) thuộc thửa 103, thửa 14 và một phần thửa 13, một phần thửa 17 tờ bản đồ số 6 (bản đồ 299). Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A742231 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau (cũ) cấp ngày 25/3/1996, thửa 13, 14, 17, 103 tờ bản đồ số 6 do ông Thạch C2 đứng tên quyền sử dụng đất (bút lục 653).

[3.3] Xét hàng thừa kế của cụ C2 và cụ N3: Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận, cụ C2 và cụ N3 có 08 người con chung như các đương sự trình bày. Khi cụ C2 và cụ N3 chết không để lại di chúc đối với di sản là quyền sử dụng đất đang tranh chấp.

[3.4] Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn ông Thạch Q cho rằng cha mẹ cho ông diện tích đất trồng lúa; phần diện tích đất thổ cư và lập vườn là chưa chia cho ai và đồng thời ông yêu cầu chia thừa kế đối với đất thổ cư và lập vườn. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông Q cho rằng cha, mẹ cho ông toàn bộ 02 diện tích đất này và không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, những người cùng hàng thừa kế với ông Q không thừa nhận, ông Thạch Q không có chứng cứ chứng minh được cha, mẹ cho đất và cũng không có chứng cứ chứng minh ông quản lý, sử dụng đất từ năm 1990 đến nay như ông trình bày. Cho nên, cấp sơ thẩm chia thừa kế di sản của cụ C2 và cụ N3 theo pháp luật là có căn cứ.

[3.5] Từ sự phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thạch Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Diện tích đất 248,3m^2 (vị trí thứ 3 trên bản vẽ), trên diện tích đất này có căn nhà của ông Q và bà O, do các đương sự không đồng ý cho xem xét thẩm định đối với phần đất ông Q và bà O đang thực tế sử dụng, nên cấp sơ thẩm giao chung cho ông Q2 và bà O cùng sử dụng. Các đương sự được quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu sử dụng riêng, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn không được chấp nhận kháng cáo, nên phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí (bút lục 695), nên được miễn toàn bộ, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị O từ bỏ kháng cáo, nên phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị O.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thạch Q.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 289/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về di sản thừa kế: Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 34.458,3m² (đất ở: 300m², đất trồng cây lâu năm: 9.537,5m², đất lúa: 24.620,8m²) tọa lạc tại ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau, thuộc các thửa số 48, 76 tờ bản đồ số 07, đứng tên cụ Thạch C2 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A742231 do UBND huyện T cấp ngày 25/3/1996), là di sản thừa kế của cụ Thạch C2 và cụ Kim Thị N3.

2. Xác định phần đất diện tích 1977,9m² đất trồng cây lâu năm chạy dọc theo chiều dài phía Đông của thửa đất là lối đi chung của các đồng thừa kế của cụ C2 và cụ N3, không phân chia. Có vị trí, tứ cạnh như sau:

+ Phía Đông giáp Ngô Thị D2, Nguyễn Công V2: M2-M1;

+ Phía Tây giáp phần đất tranh chấp còn lại: M25-M26-M27-M28-M29-M30-M31-M32-M33-M34-M35-M36-M37-M3;

+ Phía Nam giáp lộ bê tông (rộng 1,50m): M2-M3;

+ Phía Bắc giáp K: M1-M25;

Hiện trạng tương ứng với thửa 18 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

3. Chia giao cho bà Thạch Thị Q1 được quyền sử dụng 03 phần gồm:

- Phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 181,5 m² (gồm 50 m² đất ở và 131,5 m² đất CLN), có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa 76 được chia giao cho bà Thạch Thị V: M37-M38;

+ Phía Nam giáp lộ bê tông rộng 1,5 m: M3-M4;

+ Phía Đông giáp phần đất lối đi chung: M3-M37;

+ Phía Tây giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị P1: M4-M38.

Hiện trạng tương ứng với thửa 01 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

- Phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.038,6 m² đất CLN, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị O: M15-M34;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị P1: M14-M35;

+ Phía Đông giáp lối đi chung: M34-M35;

+ Phía Tây giáp đất Diệp Thị T2: M14-M15.

Hiện trạng tương ứng với thửa 08 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.077,6 m^2 đất lúa, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị P1: M22-M27;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị O: M21-M28;

+ Phía Đông giáp đất lối đi chung: M27-M28;

+ Phía Tây giáp đất Diệp Thị T2: M21-M22.

Hiện trạng tương ứng với thửa 15 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

4. Chia giao cho bà Thạch Thị P1 được quyền sử dụng 03 phần gồm:

- Phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 164,0 m² (gồm 50 m² đất ở và 114,0 m² đất CLN), có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất còn lại thửa 78 được chia giao cho bà Thạch Thị V: M38-M39;

+ Phía Nam giáp lộ bê tông rộng 1,5 m: M4-M5;

+ Phía Đông giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị Q1: M4-M38;

+ Phía Tây giáp phần đất chia giao cho ông Thạch Q và bà Thạch Thị O: M5-M39.

Hiện trạng tương ứng với thửa 02 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

- Phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.056,1 m² đất CLN, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị Q1: M14-M35;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị V: M13-M36;

+ Phía Đông giáp đất lối đi chung: M35-M36;

+ Phía Tây giáp đất Diệp Thị T2: M13-M14.

Hiện trạng tương ứng với thửa 07 trên sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.077,6 m^2 đất lúa, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị V: M23-M26;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị Q1: M22-M27;

+ Phía Đông giáp đất lối đi chung: M26-M27;

+ Phía Tây giáp đất Diệp Thị T2: M22-M23.

Hiện trạng tương ứng với thửa 16 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

5. Chia giao cho ông Thạch Q và bà Thạch Thị O cùng sử dụng phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 248,3 m² (gồm 100 m² đất ở và 148,3 m² đất CLN), có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất còn lại thửa 78 được chia giao cho bà Thạch Thị V: M39-M40;

+ Phía Nam giáp lộ bê tông rộng 1,5 m: M5-M6;

+ Phía Đông giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị P1: M5-M39;

+ Phía Tây giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị V: M6-M40.

Hiện trạng tương ứng với thửa 3 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

6. Chia giao cho bà Thạch Thị O được quyền sử dụng 02 phần gồm:

- Phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.096 m² đất CLN, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất chia giao cho ông Thạch Q: M16-M33;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị Q1: M14-M35;

+ Phía Đông giáp lối đi chung: M33-M34;

+ Phía Tây giáp đất Diệp Thị T2: M15-M16.

Hiện trạng tương ứng với thửa 09 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

- Phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.077,6 m^2 đất lúa, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị Q1: M21-M28;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho ông Thạch Q: M20-M29;

+ Phía Đông giáp đất lối đi chung: M28-M29;

+ Phía Tây giáp đất Diệp Thị T2: M20-M21.

Hiện trạng tương ứng với thửa 14 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

7. Chia giao cho ông Thạch Q được quyền sử dụng 02 phần gồm:

- Phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.096 m² đất CLN, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất chia giao cho bà Lý Thị C cùng các con: M17-M32;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị O: M16-M33;

+ Phía Đông giáp lối đi chung: M32-M33;

+ Phía Tây giáp đất Diệp Thị T2: M16-M17.

Hiện trạng tương ứng với thửa 10 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

- Phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.077,6 m^2 đất lúa, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần chia giao cho bà Thạch Thị O: M20M29;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho bà Lý Thị C cùng các con: M19-M30;

+ Phía Đông giáp đất lối đi chung: M29-M30;

+ Phía Tây giáp đất Diệp Thị T2: M19-M20.

Hiện trạng tương ứng với thửa 13 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

8. Chia giao cho bà Thạch Thị V được quyền sử dụng 03 phần gồm:

- Phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 164,0 m², gồm 50 m² đất ở và 114,0 m² đất CLN, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất còn lại thửa 78 được chia giao cho bà Thạch Thị V: M40-M41;

+ Phía Nam giáp lộ bê tông rộng 1,5 m: M6-M7;

+ Phía Đông giáp phần đất chia giao cho ông Thạch Q và bà Thạch Thị O: M6-M40;

+ Phía Tây giáp phần đất chia giao cho bà Lý Thị C cùng các con: M7-M41**.**

Hiện trạng tương ứng với thửa 04 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

- Phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.572,9 m² đất CLN, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị P1: M13-M36;

+ Phía Nam giáp phần còn lại của thửa 76 được chia cho bà Thạch Thị Q1, bà Thạch Thị P1, bà Thạch Thị O, ông Thạch Q, bà Thạch Thị V; bà Lý Thị C cùng các con: M37-M38-M39-M40-M41-M9;

+ Phía Đông giáp lối đi chung: M36-M37;

+ Phía Tây giáp đất Diệp Thị T2: M9-M10-M11-M12-M13.

Hiện trạng tương ứng với thửa 06 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

- Phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 07, diện tích 9.232,8 m^2 đất lúa, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp đất ông Kim C3: M24-M25;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho bà Thạch Thị P1: M23-M26;

+ Phía Đông giáp đất lối đi chung: M25-M26;

+ Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Việt H3 và bà Diệp Thị T2: M23-M24.

Hiện trạng tương ứng với thửa 17 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

9. Chia giao cho bà Lý Thị C, ông Thạch D, bà Thạch Thị P3, bà Thạch Thị P4, ông Thạch P5, ông Thạch T, ông Thạch Đ, bà Thạch Thị N được quyền sử dụng 03 phần gồm:

- Phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 205,3 m² (gồm 50 m² đất ở và 155,3 m² đất CLN), có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp đất còn lại thửa 78 được chia giao cho bà Thạch Thị V: M9-M41;

+ Phía Nam giáp lộ bê tông rộng 1,5 m: M7-M8;

+ Phía Đông giáp đất bà Thạch Thị V: M7-M41;

+ Phía Tây giáp đất bà Diệp Thị T2: M8-M9.

Hiện trạng tương ứng với thửa 05 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

- Phần thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.014,8 m² đất CLN, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất chia giao cho bà Lý Thị C cùng các con: M18-M31;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho ông Thạch Q: M17-M32;

+ Phía Đông giáp lối đi chung: M31-M32;

+ Phía Tây giáp đất Diệp Thị T2: M17-M18.

Hiện trạng tương ứng với thửa 11 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

- Phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.077,6 m^2 đất lúa, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp đất chia giao cho ông Thạch Q: M19-M30;

+ Phía Nam giáp phần đất chia giao cho bà Lý Thị C cùng các con: M18-M31;

+ Phía Đông giáp đất lối đi chung: M30-M31;

+ Phía Tây giáp đất bà Diệp Thị T2: M18-M19.

Hiện trạng tương ứng với thửa 12 tại bản vẽ mặt hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 22/9/2025 của Công ty TNHH MTV T4.

10. Buộc bà Thạch Thị V thanh toán cho bà Đào Thị S 260.841.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

11. Buộc bà Thạch Thị V thanh toán cho bà Thạch Thị R 260.841.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

12. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Thạch Thị V phải chịu 4.862.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Bà V đã nộp xong.

Buộc ông Thạch Q phải thanh toán số tiền 4.862.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho bà V.

Buộc bà Thạch Thị Q1 phải thanh toán số tiền 4.862.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho bà V.

Buộc bà Thạch Thị P1 phải thanh toán số tiền 4.862.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho bà V.

Buộc bà Thạch Thị O phải thanh toán số tiền 4.862.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho bà V.

Buộc bà Thạch Thị R phải thanh toán số tiền 4.862.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho bà V.

Buộc bà Đào Thị S phải thanh toán số tiền 4.862.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho bà V.

Buộc bà Lý Thị C, ông Thạch D, bà Thạch Thị P3, bà Thạch Thị P4, ông Thạch P5, ông Thạch T, ông Thạch Đ, bà Thạch Thị N cùng phải thanh toán số tiền 4.862.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho bà V.

13. Về án phí dân sự:

13.1. Án phí sơ thẩm:

- Bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Q1, bà Thạch Thị P1, ông Thạch Q, bà Thạch Thị R, bà Đào Thị S, bà Lý Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Thạch D, bà Thạch Thị P3, bà Thạch Thị P4, ông Thạch P5, ông Thạch T, ông Thạch Đ, bà Thạch Thị N phải chịu chung 11.412.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng).

- Buộc ông Thạch Ngọc H1, ông Thạch Minh H2, ông Thạch P5, ông Thạch Hoàng A, ông Thạch Ri M, bà Thạch Thị N1, ông Thạch Ri M1, ông Thạch Minh R1 phải chịu chung 11.592.931 đồng (Mười một triệu năm trăm chín mươi hai ngàn chín trăm ba mươi một đồng).

- Buộc bà Thạch Thị O phải chịu 13.042.047 đồng (Mười ba triệu không trăm bốn mươi hai ngàn không trăm bốn mươi bảy đồng).

13.2. Án phí phúc thẩm:

- Bị đơn ông Thạch Q được miễn án phí.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị O phải chịu 300.000 đồng. Ngày 29/10/2025, bà O đã dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003476 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

14. Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

15. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Phan Công Trí